

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 17/2022/DS-ST

Ngày: 21/6/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hộ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoạt
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Th4

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H6 – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C – tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị H6 Lan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 15 đến 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C – tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hộ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Lương Thị Do M - Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố HD 1A, phường CPB, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 374, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2021).

2. Bà Huỳnh Thị Hoài Th1 - Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn VN, xã CAN, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TVT, số công chứng 5077, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/12/2020).

3. Bà Lê Thị Kim Ch1 - Sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công

chứng tại VPCC TVT, số công chứng 1167, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/4/2021).

4. Bà Võ Thị Tr - Sinh năm 1965; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TVT, số công chứng 1141, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/4/2021)

5. Bà Trần Thị Thanh H - Sinh năm 1957; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TVT, số công chứng 1166, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/4/2021).

6. Bà Lê Thị T - Sinh năm 1960; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TVT, số công chứng 1168, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/4/2021).

7. Bà Đoàn Thị Lệ Tr1 - Sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 364, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

8. Bà Võ Thị Th2 -Sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn QH, xã CTN, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 368, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

9. Bà Nguyễn Thị Z – sinh năm 1955, nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 370, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

10. Bà Nguyễn Thị Huyền Tr - Sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 379, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

11. Bà Trần Thị H5 - Sinh năm 1963; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 365, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

12. Bà Trịnh Thị Minh T1 – sinh năm 1966, nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 382, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

13. Bà Nguyễn Thị N3 - Sinh năm 1966; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

14. Bà Phạm Thị A3 - Sinh năm 1955; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 369, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

15. Bà Phạm Thị Ng - Sinh năm 1966; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

16. Bà Trần Thị L3 - Sinh năm 1959; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 362, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

17. Bà Chế Thị Tr2 - Sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn HD 7, xã CTN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

18. Bà Nguyễn Thị H6 - Sinh năm 1969; Nơi cư trú: Tổ dân phố Nghĩa Quý, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 361, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

19. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th3 – sinh năm 1972, nơi cư trú: TDP Nghĩa Quý, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 363, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

20. Bà Trần Thị M9 - sinh năm 1964, nơi cư trú: TDP Nghĩa Quý, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 377, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

21. Bà Tống Thị Mỹ L3 - sinh năm 1972, nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 360, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

22. Bà Nguyễn Thị Ph - Sinh năm 1980; Nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

23. Bà Bùi Thị Kim Ng – sinh năm 1980; nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TVT, số công chứng 5083, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/12/2020).

24. Bà Nguyễn Thị Kim T7 – sinh năm 1979; Nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 367, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

25. Bà Nguyễn Thị Lệ K5 – sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn HD 7, xã CTN, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 385, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

26. Bà Trương Thị Kim L9 - Sinh năm 1969; nơi cư trú: TDP HD 1A, phường CPc Bắc, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 383, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

27. Bà Phan Thị Kim A7 - Sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn HD 7, xã CTN, Tp. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 376, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020)

28. Bà Trần Thị Bích V – sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn HD 7, xã CTN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 380, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

29. Bà Nguyễn Thị Th8 - Sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn HD 7, xã CTN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 373, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2020).

30. Bà Trương Thị Thanh Th4 - Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn HD 7, xã CTN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 381, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2021).

31. Bà Nguyễn Thị Th5 – sinh năm 1978, nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TVT, số công chứng 5085, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/12/2020).

32. Bà Huỳnh Như Th6 - Sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TVT, số công chứng 5084, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/12/2020).

33. Bà Lê Thị L3 - Sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 372, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2021)

34. Bà Nguyễn Thị Thế Hoàng Th2 - Sinh năm 1979; Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Thuận, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 394, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/12/2021).

35. Bà Trương Thị Mỹ Th10 - Sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ dân phố MC, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th - Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 378, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2021).

36. Bà Nguyễn Thị S3 - sinh năm 1955, nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thanh Th – sinh năm 1994. Nơi cư trú: Tổ 77 - phường HHH, quận LC, Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền được công chứng tại VPCC TNĐ, số công chứng 384, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/12/2021).

Bà Thu vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ch - Sinh năm 1959; Nơi cư trú: Tổ dân phố NP, phường CN, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh Tr8 - Sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số 18 N, tổ dân phố PT, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền được công chứng tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Khánh Hòa, số công chứng 10197 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/12/2020. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Th - sinh năm 1953; Nơi cư trú: TDP NP, P. CN, TP. C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các nguyên đơn trình bày như sau:

1. Bà Lương Thị Do M trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Ch là chỗ quen biết nên tôi tin tưởng cho bà Ch chơi hội theo tháng (tôi là chủ hội, bà Ch là con hội). Bà Ch đã tham gia 01 dây hội bắt đầu từ ngày 10/10/2019 đến ngày 10/11/2020 (âm lịch) thì kết thúc, dây hội gồm có 15 người, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng. Bà Ch xin chốt hội vào tháng thứ 3 (ngày 10/12/2019 âm lịch). Sau khi lấy được tiền thì bà Ch chỉ đóng thêm được 06 tháng tiếp theo và không tiếp tục đóng cho tôi nữa. Hiện bà Ch còn nợ lại số tiền hội là 12.000.000 đồng. Ngoài ra, tôi còn cho bà Ch vay 10.000.000 đồng vào ngày 17/6/2020 (bà Ch có viết giấy vay). Nay tôi khởi kiện yêu cầu bà Ch phải trả cho tôi số tiền hội còn nợ là 12.000.000 đồng và tiền đã vay 10.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên tòa, bà Lương Thị Do M rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Ch trả lại số tiền đã vay là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

2. Bà Huỳnh Thị Hoài Th1 trình bày: Tôi có tham gia 01 dây huê 5 chân, mỗi chân 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái, tôi đã hót 02 chân, còn lại 3 chân như sau:

26/5/2019 áp cái: 3.000.000 đồng

26/6/2019 đóng 2.250.000 đồng (lời 250.000 đồng/chân)

26/7/2019: đóng 2.310.000 đồng (lời 230.000 đồng/chân)

26/8/2019: đóng 2.400.000 đồng (lời 200.000 đồng/chân)

26/9/2019: đóng 2.550.000 đồng (lời 150.000 đồng/chân)

26/10/2019: đóng 2.550.000 đồng (lời 150.000 đồng/chân)

26/11/2019: đóng 2.550.000 đồng (lời 150.000 đồng/chân)

26/12/2019: đóng 2.250.000 đồng (lời 250.000 đồng/chân)

26/01/2020: đóng 2.250.000 đồng (lời 250.000 đồng/chân)

Từ 26/02/2020 đến 26/7/2020 (06 tháng) tôi đóng mỗi tháng 2.250.000 đồng (lời 250.000 đồng/chân), tổng là: 13.500.000 đồng. Do vì tin tưởng nên từ 26/02/2020 tôi không đưa số cho bà Ch chốt mà chỉ nộp số tiền huê theo yêu cầu. Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch là 35.610.000 đồng. Tuy nhiên, do tại thời điểm khởi kiện

tôi không tìm được cuốn sổ huê có chữ viết của bà Ch nên tôi tự viết kê số tiền huê 22.000.000 đồng. Nay tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện 22.000.000 đồng đối với bà Ch.

3. Bà Lê Thị Kim Chi trình bày: Tôi có tham gia 03 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái như sau:

Ngày 13/12/2019 dây huê 14 người, tôi đã đóng 8 tháng.

Ngày 05/8/2019 dây huê 17 người, tôi đã đóng được 12 tháng.

Ngày 16/3/2020 dây huê 14 người, tôi đã đóng được 6 tháng.

Trong đó có tháng đầu là tôi áp cái mỗi dây huê là 1.000.000 đồng x 3 = 3.000.000 đồng.

Còn các tháng tiếp theo tôi có được trừ tiền lãi nhưng tôi không nhớ rõ nên tôi đồng ý trừ 200.000 đồng/tháng như sau:

$800.000 \text{ đồng} \times (7 \text{ tháng dây 1} + 11 \text{ tháng dây 2} + 5 \text{ tháng dây 3}) = 18.400.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng bà Ch nợ tôi: 21.400.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 21.400.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 26.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 21.400.000 đồng như đã trình bày.

4. Bà Võ Thị Tr trình bày: Tôi có tham gia 02 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 11/4/2020 đến ngày 11/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 4 tháng.

- Dây 2: bắt đầu từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 06 tháng.

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch như sau:

- Tiền áp cái: 2 dây x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng

- Tiền đóng hàng tháng (tôi trừ 200.000 đồng/ tháng đối với mỗi dây huê) = $800.000 \text{ đồng} \times (3 \text{ tháng dây 1} + 5 \text{ tháng dây 2}) = 6.400.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng: 8.400.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 8.400.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 10.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 8.400.000 đồng như đã trình bày.

5. Bà Trần Thị Thanh H trình bày: Tôi có tham gia 02 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 18/02/2020 đến ngày 18/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 06 tháng.

- Dây 2: bắt đầu từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 06 tháng.

Trong 02 dây trên tôi áp cái tháng đầu mỗi dây 1.000.000 đồng, các tháng tiếp theo tôi đóng số tiền còn lại sau khi trừ tiền lãi nhưng tôi không nhớ số tiền lãi được trừ nên tôi đồng ý trừ mỗi tháng 200.000 đồng.

Như vậy số tiền huê tôi đã đóng là 2.000.000 đồng + 800.000 đồng x 10 tháng = 10.000.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 10.000.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 12.000.000 đồng thì tôi xin rút lại còn 10.000.000 đồng như đã trình bày.

6. Bà Lê Thị T trình bày: Tôi có tham gia 03 dây huê 06 chân do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 16/4/2019 đến ngày 16/5/2020 chơi 2 chân đã đóng 14 tháng.
- Dây 2: bắt đầu từ ngày 09/5/2019 đến ngày 09/5/2020 chơi 2 chân đã đóng 13 tháng.
- Dây 3: bắt đầu từ ngày 16/5/2020 đến ngày 16/7/2020 chơi 2 chân đã đóng 03 tháng.

Đồng thời có cho bà Ch vay 90.000.000 đồng (vay 3 lần) theo các giấy vay tiền ngày 21/01/2020 (vay 40.000.000 đồng), ngày 20/4/2020 (vay 40.000.000 đồng, ngày 01/6/2020 (vay 10.000.000 đồng). Tôi yêu cầu bà Ch trả tiền nợ vay 90.000.000đ và nợ huê 60.000.000đ/5chân/3 dây huê (dây 1- gồm 14 người tham gia, số tiền 1.000.000đ/chân, từ **16/4/2019-16/5/2020**, tham gia 2 chân: 28.000.000đ (14 tháng); dây 2 - gồm 13 người tham gia, số tiền 1.000.000đ/chân, từ **ngày 09/5/2019-09/5/2020**, tham gia 2 chân: 26.000.000đ (13 tháng); dây 3- gồm 14 người tham gia, số tiền 1.000.000đ/chân, từ **16/5/2020**, tham gia 2 chân: 6.000.000đ(03 tháng). Tổng cộng 150.000.000 đ. Tại phiên tòa, bà T trình bày do bà Ch đã trả được một phần tiền nợ nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Ch trả lại 40.000.000 đồng tiền vay và 10.800.000 đồng tiền huê đã đóng, tổng cộng là 50.800.000 đồng.

7. Bà Đoàn Thị Lệ Trl trình bày:

Tôi có tham gia 06 dây huê mỗi chân 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái đều đã đóng 06 tháng như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/7/2020 chơi 1 chân, tháng đầu áp cái, tháng thứ 2 lời 200.000 đồng nên tôi đóng 800.000 đồng.
- Dây 2: bắt đầu từ ngày 08/02/2020 đến ngày 08/7/2020 chơi 1 chân, tháng đầu áp cái, tháng thứ 2 lời 160.000 đồng nên tôi đóng 840.000 đồng.
- Dây 3: bắt đầu từ ngày 10/02/2020 đến ngày 10/7/2020 chơi 1 chân, tháng đầu áp cái, tháng thứ 2 lời 250.000 đồng, nên tôi đóng 750.000 đồng.
- Dây 4: bắt đầu từ ngày 14/02/2020 đến ngày 14/7/2020 chơi 1 chân, tháng đầu áp cái, tháng thứ 2 lời 150.000 đồng nên tôi đóng 850.000 đồng.
- Dây 5: bắt đầu từ ngày 15/02/2020 đến ngày 15/7/2020 chơi 1 chân, tháng đầu áp cái, tháng thứ 2 lời 150.000 đồng, nên tôi đóng 850.000 đồng.
- Dây 6: bắt đầu từ ngày 16/02/2020 đến ngày 16/7/2020 chơi 1 chân, tháng đầu áp cái, tháng thứ 2 lời 150.000 đồng, nên tôi đóng 850.000 đồng.

Các tháng tiếp theo tôi không nhớ khoản tiền lời mỗi dây nên tôi đồng ý tính tiền huê đã đóng sau khi trừ tiền lời của các tháng là 800.000 đồng.

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch như sau:

- Tiền up cái: 6 dây x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.
- Tiền đóng tháng thứ 2: 4.940.000 đồng
- Tiền đóng các tháng tiếp theo của 06 dây (tôi trừ tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng: 800.000 đồng/tháng x (04 tháng/01 dây x 6 dây) = 19.200.000 đồng
Tổng cộng: 30.140.000 đồng.

Đồng thời tôi có cho bà Ch vay số tiền 61.100.000 đồng làm 03 lần như sau:

Lần 1 không nhớ ngày có xác nhận đã nhận đủ số tiền 11.100.000 đồng.

Lần 2 ngày 04/02/2020 vay 30.000.000 đồng

Lần 3 ngày 27/02/2020 vay 20.000.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 30.140.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 36.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Ch trả nợ đã vay là 61.100.000 đồng. Tổng cộng: 91.240.000 đồng.

8. Bà Võ Thị Th2 trình bày:

Tôi có tham gia 05 dây 06 chân huê, mỗi chân 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 20/02/2020 chơi 1 chân đã đóng 06 tháng.
- Dây 2: bắt đầu từ ngày 23/02/2020 chơi 1 chân đã đóng 06 tháng.
- Dây 3: bắt đầu từ ngày 05/8/2019 chơi 1 chân đã đóng 12 tháng.
- Dây 4: bắt đầu từ ngày 12/02/2020 chơi 1 chân đã đóng 06 tháng, chơi 2 chân
- Dây 5: bắt đầu từ ngày 17/8/2019 chơi 1 chân đã đóng 12 tháng.

Do tôi không nhớ tiền lãi hàng tháng nên tôi đồng ý tính số tiền huê tôi đã đóng sau khi trừ tiền lãi là 800.000 đồng.

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch như sau:

- Tiền up cái: 02 chân x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng
- Tiền đóng 5 dây (tôi trừ tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng: 800.000 đồng/tháng x (05 tháng dây 1 + 05 tháng dây 2 + 11 tháng dây 3 + 05 tháng dây 4x02 chân + 11 tháng dây 5) = 33.600.000 đồng

Tổng cộng: 39.600.000 đồng.

Ngoài ra, bà Ch còn nợ tôi 10.000.000 đồng có xác nhận.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 49.600.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 58.000.000 đồng.

9. Bà Nguyễn Thị Z trình bày: Tôi đã tham gia chơi 05 dây huê do bà Ch làm cái, mỗi chân 1.000.000 đồng/tháng như sau:

Dây 1: Ngày 23/8/2019 tôi đã đóng được 12 tháng.

Dây 2: Ngày 24/8/2019 tôi đã đóng được 12 tháng.

Dây 3: Ngày 26/5/2019 tôi đã đóng được 15 tháng.

Dây 4: Ngày 05/8/2019 tôi đã đóng được 12 tháng.

Dây 5: Ngày 20/2/2020 tôi đã đóng được 06 tháng.

Khi tham gia huê tôi có viết sổ theo dõi và sau khi huê vỡ tôi đến nhà làm việc, bà Ch có chốt lại sổ huê tôi thực đóng là 57.000.000 đồng. Do vậy, nay tôi yêu cầu bà Ch trả tiền huê 57.000.000/5 chân huê như đã trình bày.

10. Bà Nguyễn Thị Huyền Trtrình bày: Bà Trang có chơi huê với bà Ch, bà Ch là chủ huê, bà Trang là con huê. Vì chồng bà Ch là tổ trưởng tổ dân phố NP nên bà Trang tin tưởng và tham gia dây huê do bà Ch làm cái huê. Cho đến ngày 29/7/2020 bà Nguyễn Thị Ch bỏ đi khỏi địa phương. Sau đó, bà Trang mới biết, không chỉ bà Trang mà những người ở địa phương đã chơi huê của bà Ch rất nhiều mà không được bà Ch trả tiền huê. Nay bà Nguyễn Thị Huyền Trtrình khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho bà Trang số tiền còn nợ huê của 02 dây huê là: Dây huê thứ nhất bà Ch còn nợ 5.2000.00 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng), dây thứ hai đã đóng 9 tháng bà Ch còn nợ là 8.000.000 đồng. Tổng cộng bà Nguyễn Thị Huyền Trtrình yêu cầu bà Ch phải trả cho bà Trang là 13.200.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng), bà Trang không yêu cầu lãi suất.

11. Bà Trần Thị H5 trình bày:

Tôi có tham gia 01 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái bắt đầu từ ngày 09/12/2019 đến ngày 09/7/2020 đã đóng 8 tháng như sau:

- Ngày 09/12/2019 up cái 1.000.000 đồng
- Ngày 09/01/2020 đóng 750.000 đồng
- Ngày 09/02/2020 đóng 750.000 đồng
- Ngày 09/03/2020 đóng 750.000 đồng
- Ngày 09/04/2020 đóng 730.000 đồng
- Ngày 09/05/2020 đóng 750.000 đồng
- Ngày 09/06/2020 đóng 740.000 đồng
- Ngày 09/07/2020 đóng 750.000 đồng

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch là 6.220.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 6.220.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 8.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 6.220.000 đồng như đã trình bày.

12. Bà Trịnh Thị Minh T1 trình bày: Bà Trịnh Thị Minh T1 và bà Nguyễn Thị Ch là người quen cùng cư trú tại tổ dân phố NP, phường CN, bà Ch có làm chủ huê, bà Tình là người chơi huê, bà Tình có chơi tổng cộng 24 dây huê. Vì đã nhiều năm chơi huê của bà Ch nên bà Tình tin tưởng bà Ch. Sau đó, bà Ch bỏ đi khỏi địa phương, nhiều người chơi huê không hót được huê, nên bà Tình có đến nhà bà Ch để yêu cầu trả số tiền đã chơi huê. Số tiền bà Tình chơi huê mà bà Ch phải trả là 119.200.000 đồng, số huê chết (đã hót huê) bà Tình phải trả cho bà Ch là 43.150.000 đồng. Vậy số tiền bà Ch còn nợ bà Tình là: 119.200.000 đồng – 43.150.000 đồng = 76.050.000 đồng. Nay bà Trịnh Thị Minh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho bà Tình số tiền là 76.050.000 đồng (bảy mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), bà Tình không yêu cầu tiền lãi. Tại phiên tòa, bà Tình trình bày: Khi bà Ch trở về thì tôi có yêu cầu bà Ch trả tiền huê và chốt tiền huê còn nợ làm 02 đợt: đợt 1 chốt số tiền 36.440.000 đồng (bà Ch có ghi giấy nhưng tôi

không nhớ ngày), đợt 2 chốt số tiền 37.460.000 đồng (chốt vào ngày 19/10/2020. Khi tôi khởi kiện do tôi không nhớ nên đã yêu cầu bà Ch trả nợ tiền huê là 76.050.000 đồng. Nay tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện theo 02 tờ giấy chốt huê nêu trên, tôi yêu cầu bà Ch trả lại cho tôi số tiền 73.900.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

13. Bà Nguyễn Thị N3 trình bày: Tôi có tham gia 02 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

Dây 1: Từ ngày 22/6/2020, tôi và bà Ch đã chốt lại tiền huê bà Ch còn nợ tôi là 9.000.000 đồng.

Dây 2: tham gia từ ngày 04/10/2019, tôi đã đóng 11 tháng như sau:

Ngày 04/10/2020: đóng 750.000 đồng (lời 250.000 đồng)

Ngày 04/11/2020: đóng 780.000 đồng (lời 220.000 đồng)

Ngày 04/12/2020: đóng 850.000 đồng (lời 150.000 đồng)

Ngày 04/01/2021: đóng 740.000 đồng (lời 260.000 đồng)

Ngày 04/02/2021: đóng 750.000 đồng (lời 250.000 đồng)

Ngày 04/03/2021: đóng 750.000 đồng (lời 250.000 đồng)

Ngày 04/04/2021: đóng 720.000 đồng (lời 280.000 đồng)

Ngày 04/05/2021: đóng 720.000 đồng (lời 280.000 đồng)

Ngày 04/06/2021: đóng 750.000 đồng (lời 250.000 đồng)

Ngày 04/07/2021: đóng 740.000 đồng (lời 260.000 đồng)

Tổng tiền huê đã đóng dây 2 là: 7.550.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê là 7.550.000 đồng + 9.000.000 đồng = 16.550.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 19.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 16.550.000 đồng như đã trình bày.

14. Bà Phạm Thị A3 trình bày: Tôi có tham gia 07 dây huê do bà Ch làm cái, mỗi dây tôi tham gia 1.000.000 đồng/tháng, đã đóng cụ thể số tiền (sau khi trừ tiền lời) theo các giấy tờ còn lưu như sau:

Huê ngày 09/10/2019 đã đóng số tiền: 4.720.000 đồng

Huê ngày 13/12/2019 đã đóng số tiền: 2.600.000 đồng

Huê ngày 15/02/2020 đã đóng số tiền: 5.140.000 đồng

Huê ngày 16/02/2020 đã đóng số tiền: 5.020.000 đồng

Huê ngày 17/02/2020 đã đóng số tiền: 9.800.000 đồng

Huê ngày 07/3/2020 đã chơi 2 chân đóng 5 tháng với số tiền: 8.640.000 đồng

Tổng cộng: 35.920.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê là 35.920.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 43.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 35.920.000 đồng như đã trình bày.

15. Bà Phạm Thị Ng trình bày: Tôi đã tham gia chơi huê do bà Ch làm cái, tôi chơi 2 chân huê, đóng từ ngày 10/2/2020 như sau:

10/02/2020: áp cái 2.000.000 đồng

10/03/2020: đóng 1.500.000 đồng (lời 500.000 đồng)

10/04/2020: đóng 1.460.000 đồng (lời 540.000 đồng)

10/05/2020: đóng 1.640.000 đồng (lời 360.000 đồng)

10/6/2020: đóng 1.600.000 đồng (lời 400.000 đồng)

Tổng tiền huê tôi đóng là: 8.200.000 đồng, nay bà Ch đã trả cho tôi 4.700.000 đồng nên còn nợ tôi 3.500.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê là 3.500.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 8.200.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 3.500.000 đồng như đã trình bày.

16. Bà Trần Thị L3 trình bày: Tôi có tham gia 03 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: từ ngày 24/8/2019 đến ngày 24/3/2020 thì tôi hót và nợ lại 2.000.000 đồng tiền huê chết.

- Dây 2: từ ngày 18/11/2019 đến ngày 18/7/2020 đã đóng 9 tháng với số tiền 6.850.000 đồng như sau:

18/11/2019: áp cái 1.000.000 đồng

18/12/2019 đóng 750.000 đồng

18/01/2020 đóng 750.000 đồng

18/02/2020 đóng 750.000 đồng

18/03/2020 đóng 740.000 đồng

18/04/2020 đóng 690.000 đồng

18/05/2020 đóng 750.000 đồng

18/06/2020 đóng 740.000 đồng

18/07/2020 đóng 680.000 đồng

- Dây 2: từ ngày 09/12/2019 đến ngày 09/7/2020 đã đóng được 8 tháng với số tiền 6.220.000 đồng như sau:

9/12/2019 áp cái 1.000.000 đồng

09/01/2020 đóng 750.000 đồng

09/02/2020 đóng 750.000 đồng

09/03/2020 đóng 750.000 đồng

09/04/2020 đóng 730.000 đồng

09/05/2020 đóng 750.000 đồng

09/06/2020 đóng 740.000 đồng

09/07/2020 đóng 750.000 đồng

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch là 13.070.000 đồng trừ 2.000.000 đồng tiền huê chết, bà Ch còn nợ tôi: 11.070.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 04/10/2020 tôi có mượn bà Ch 4.000.000 đồng (do ông Thành đưa) nên tôi đề nghị cần trừ tiền nợ này, nên bà Ch còn nợ tôi 7.070.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 7.070.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 15.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 7.070.000 đồng như đã trình bày.

17. Bà Chế Thị Tr2 trình bày: Tôi có tham gia 02 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: từ ngày 08/9/2019 đến ngày 08/7/2020 tôi đã đóng 11 tháng với số tiền 9.000.000 đồng

- Dây 2: Từ ngày 13/12/203 đến ngày 13/7/2020 tôi đã đóng 08 tháng với số tiền 6.450.000 đồng.

Tổng cộng: 15.450.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu bà Ch trả cho tôi số tiền huê còn nợ là 15.450.000 đồng.

18. Bà Nguyễn Thị H6 trình bày: Tôi có tham gia 07 dây huê 10 chân, mỗi chân 1.000.000 do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 09/12/2019 đến ngày 09/7/2020 tôi chơi 02 chân và đóng được 8 tháng với số tiền 12.540.000 đồng như sau:

Áp cái: 2.000.000 đồng

3 tháng từ 09/01/2020 đến 09/3/2020 tôi không nhớ tiền lãi nên trừ 200.000 k/01 chân: 800.000 đồng x 6 = 4.800.000 đồng.

09/4/2020 đóng 1.460.000 đồng

09/5/2020 đóng 1.500.000 đồng

09/6/2020 đóng 1.480.000 đồng

09/7/2020 đóng 1.300.000 đồng

- Dây 2: bắt đầu từ ngày 15/02/2020 đến ngày 15/7/2020 chơi 01 chân đóng được 6 tháng với số tiền 4.890.000 đồng:

15/2/2020 đóng 850.000 đồng

15/3/2020 đóng 850.000 đồng

15/4/2020 đóng 840.000 đồng

15/5/2020 đóng 800.000 đồng

15/6/2020 đóng 800.000 đồng

15/7/2020 đóng 750.000 đồng

- Dây 3: bắt đầu từ ngày 16/02/2020 đến ngày 16/7/2020 chơi 01 chân đóng được 6 tháng với số tiền 4.870.000 đồng

16/2/2020 đóng 850.000 đồng

16/3/2020 đóng 850.000 đồng

16/4/2020 đóng 800.000 đồng

16/5/2020 đóng 800.000 đồng

16/6/2020 đóng 770.000 đồng

16/7/2020 đóng 800.000 đồng

- Dây 4: bắt đầu từ ngày 18/02/2020 đến ngày 18/7/2020 chơi 01 chân đóng được 6 tháng với số tiền 4.770.000 đồng

18/2/2020 đóng 800.000 đồng

18/3/2020 đóng 850.000 đồng

18/4/2020 đóng 800.000 đồng

18/5/2020 đóng 720.000 đồng

18/6/2020 đóng 800.000 đồng

18/7/2020 đóng 800.000 đồng

- Dây 5: bắt đầu từ ngày 07/3/2020 đến ngày 07/7/2020 chơi 01 chân đóng được 5 tháng với số tiền 4.120.000 đồng

07/3/2020 đóng 800.000 đồng

07/4/2020 đóng 850.000 đồng

07/5/2020 đóng 820.000 đồng

07/6/2020 đóng 800.000 đồng

07/7/2020 đóng 850.000 đồng

- Dây 6: bắt đầu từ ngày 21/3/2020 đến ngày 21/7/2020 chơi 02 chân đóng được 5 tháng với số tiền 7.800.000 đồng

21/3/2020 đóng 1.700.000 đồng

21/4/2020 đóng 1.600.000 đồng

21/5/2020 đóng 1.500.000 đồng

21/6/2020 đóng 1.500.000 đồng

21/7/2020 đóng 1.500.000 đồng

- Dây 7: bắt đầu từ ngày 11/4/2020 đến ngày 11/7/2020 chơi 02 chân đóng được 4 tháng với số tiền 6.100.000 đồng

11/4/2020 đóng 1.600.000 đồng

11/5/2020 đóng 1.500.000 đồng

11/6/2020 đóng 1.500.000 đồng

11/7/2020 đóng 1.500.000 đồng

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch là 45.090.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 45.090.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 57.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 45.090.000 đồng như đã trình bày.

19. Bà Nguyễn Thị Ngọc Th3 trình bày: Tôi đã tham gia 01 dây huê bắt đầu từ ngày 15/8/2019 đã đóng 12 tháng với số tiền 9.200.000 đồng. Nay tôi khởi kiện yêu cầu bà Ch trả cho tôi số tiền 9.200.000 đồng, không yêu cầu lãi. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 12.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 9.200.000 đồng như đã trình bày.

20. Bà Trần Thị M9 trình bày: Tôi có tham gia 03 dây 04 chân huê, mỗi chân 1.000.000 do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 10/11/2019 chơi 2 chân đã đóng 09 tháng.
- Dây 2: bắt đầu từ ngày 05/8/2019 chơi 1 chân đã đóng 12 tháng.
- Dây 3: bắt đầu từ ngày 17/8/2019 chơi 1 chân đã đóng 12 tháng.

Do tôi không nhớ tiền lãi hàng tháng nên tôi đồng ý tính số tiền huê tôi đã đóng sau khi trừ tiền lãi là 800.000 đồng.

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch như sau:

- Tiền up cái: 04chân x 1.000.000 đồng = 4.000.000 đồng
- Tiền đóng chân (tôi trừ tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng: 800.000 đồng/tháng x (08 tháng dây 1x2 chân + 11 tháng dây 2 + 11 tháng dây 3) = 30.400.000 đồng

Tổng cộng: 34.400.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 34.400.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 42.000.000 đồng.

21. Bà Tống Thị Mỹ L3 trình bày: Tôi có tham gia 04 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 20/9/2019 đến ngày 20/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 11 tháng.
- Dây 2: bắt đầu từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 10 tháng.
- Dây 3: bắt đầu từ ngày 09/10/2019 đến ngày 09/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 10 tháng.
- Dây 4: bắt đầu từ ngày 11/10/2019 đến ngày 10/6/2020 chơi 01 chân huê đã đóng được 8 tháng. Dây huê này tôi đã hót đầy đủ và nợ lại tiền huê chết là 6.000.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng trong 3 dây chưa hót như sau:

Số tiền áp cái: 1.000.000 đồng/ dây x 3 dây = 3.000.000 đồng.

Số tiền huê đã đóng mỗi tháng của 3 dây, tôi trừ tiền lời 200.000 đồng/1 dây mỗi tháng nên số tiền huê đã đóng tính như sau: 800.000 đồng x (10 tháng dây 1 + 9 tháng dây 2 + 9 tháng dây 3) = 22.400.000 đồng.

Tổng tiền huê tôi yêu cầu bà Ch trả lại là: 25.400.000 đồng – 6.000.000 đồng = 19.400.000 đồng.

So với yêu cầu khởi kiện ban đầu, tôi đã khởi kiện yêu cầu 25.000.000 đồng nay tôi xin rút lại một phần, chỉ yêu cầu bà Ch trả lại 19.400.000 đồng.

22. Bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Tôi đã tham gia 02 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: từ ngày 02/9/2019 đến ngày 02/7/2020 tôi đã đóng được 10 tháng
- Dây 2: từ ngày 02/6/2020 đến ngày 02/7/2020 tôi đã đóng được 02 tháng

Do tôi không nhớ tiền lãi hàng tháng nên tôi đồng ý tính số tiền huê tôi đã đóng sau khi trừ tiền lãi là 800.000 đồng.

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch như sau:

- Tiền up cái: 02 chân x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng
 - Tiền đóng (tôi trừ tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng: 800.000 đồng/tháng x (09 tháng dây 1 + 1 tháng dây 2) = 8.000.000 đồng
- Tổng cộng: 10.000.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 10.000.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 12.000.000 đồng.

23. Bà Bùi Thị Kim Ng trình bày: Tôi có tham gia 01 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái đã đóng 11 tháng. Tháng đầu tiên tôi áp cái 1.000.000 đồng, còn các tháng còn lại thì bà Ch bỏ tiền lãi cho tôi mỗi tháng từ 250.000 đồng đến 150.000 đồng tôi không nhớ rõ nhưng tôi đồng ý tạm tính tiền lãi 200.000 đồng mỗi tháng. Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch là:

- Áp cái: 1.000.000 đồng
 - Các tháng còn lại: 800.000 đồng/tháng x 10 tháng = 8.000.000 đồng.
- Tổng cộng: 9.000.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 9.000.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 11.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 9.000.000 đồng như đã trình bày.

24. Bà Nguyễn Thị Kim T7 trình bày: Tôi có tham gia 02 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái như sau:

Dây 1: từ ngày 15/02/2020 đến ngày 15/8/2020 tôi đóng được 07 tháng.

Dây 2: từ ngày 16/5/2020 đến ngày 16/7/2020 tôi đóng được 3 tháng.

Trong đó có tháng đầu là tôi áp cái mỗi dây huê là 1.000.000 đồng

Còn các tháng tiếp theo tôi có được trừ tiền lãi nhưng tôi không nhớ rõ nên tôi đồng ý trừ 200.000 đồng/tháng như sau:

$800.000 \text{ đồng} \times (6 \text{ tháng dây 1} + 2 \text{ tháng dây 2}) = 7.200.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng bà Ch nợ tôi: 8.200.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 8.200.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 10.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 8.200.000 đồng như đã trình bày.

25. Bà Nguyễn Thị Lê K5 trình bày: Tôi có tham gia 02 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái như sau:

Dây 1: từ ngày 26/5/2049 đến ngày 26/7/2020 tôi chơi 02 chân đóng được 14 tháng.

Dây 2: từ ngày 28/6/2020 đến ngày 28/8/2020 tôi chơi 01 chân đóng được 02 tháng.

Trong đó có tháng đầu là tôi áp cái mỗi chân huê là 1.000.000 đồng x 3 chân = 3.000.000 đồng.

Còn các tháng tiếp theo tôi có được trừ tiền lãi nhưng tôi không nhớ rõ nên tôi đồng ý trừ 200.000 đồng/tháng như sau:

$800.000 \text{ đồng} \times (13 \text{ tháng dây 1} \times 2 \text{ chân} + 1 \text{ tháng dây 2}) = 21.600.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng: 24.600.000 đồng.

Ngoài ra do bà Ch nói cần tiền làm ăn nên tôi đã cho vay 02 lần vào ngày 14/4/2020 và ngày 02/5/2020 (bà Ch có viết giấy vay), mỗi lần 10.000.000 đồng.

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê và tiền đã vay của tôi là 44.600.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 50.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 44.600.000 đồng như đã trình bày.

26. Bà Trương Thị Kim L9 trình bày: Bà Loan có tham gia 12 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

Dây 1: bắt đầu từ ngày 17/8/2019 đến ngày 17/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 11 tháng với số tiền 17.760.000 đồng.

Dây 2: bắt đầu từ ngày 23/8/2019 đến ngày 23/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 11 tháng với số tiền 17.820.000 đồng.

Dây 3: bắt đầu từ ngày 02/9/2019 đến ngày 02/8/2020: bà chơi 01 chân đóng được 11 tháng với số tiền 8.840.000 đồng.

Dây 4: bắt đầu từ ngày 08/9/2019 đến ngày 08/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 10 tháng với số tiền 16.600.000 đồng. Dây này gồm 13 người.

Dây 5: bắt đầu từ ngày 20/9/2019 đến ngày 20/7/2020: bà chơi 01 chân đóng được 10 tháng với số tiền 7.850.000 đồng.

Dây 6: bắt đầu từ ngày 29/10/2019 đến ngày 29/6/2020: bà chơi 02 chân đóng được 09 tháng với số tiền 14.380.000 đồng.

Dây 7: bắt đầu từ ngày 10/11/2019 đến ngày 10/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 08 tháng với số tiền 12.560.000 đồng.

Dây 8: bắt đầu từ ngày 10/2/2020 đến ngày 10/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 05 tháng với số tiền 8.600.000 đồng.

Dây 9: bắt đầu từ ngày 20/02/2020 đến ngày 20/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 05 tháng với số tiền 8.140.000 đồng.

Dây 10: bắt đầu từ ngày 25/02/2020 đến ngày 25/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 05 tháng với số tiền 8.360.000 đồng.

Dây 11: bắt đầu từ ngày 07/3/2020 đến ngày 07/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 04 tháng với số tiền 6.940.000 đồng.

Dây 12: bắt đầu từ ngày 11/4/2020 đến ngày 11/7/2020: bà chơi 02 chân đóng được 03 tháng với số tiền 5.200.000 đồng.

Tổng cộng: 133.050.000 đồng

Ngoài ra, bà Ch cần tiền làm ăn nên vay của bà số tiền 30.000.000 đồng. Bà đã giao tiền đầy đủ và bà Ch viết giấy vay tiền cho bà.

Nay bà khởi kiện để đòi khoản nợ huê và tiền đã vay của tôi là 163.050.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì bà đã khởi kiện số tiền hui là 171.610.000 đồng; không yêu cầu trả lãi và số tiền vay là 30.000.000 đồng; trả lãi kể từ ngày bà nộp đơn khởi kiện cho tới khi có quyết định, bản án cuối cùng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nay bà xin rút lại còn 163.050.000 đồng gồm tiền hui là 133.050.000 đồng và số tiền vay là 30.000.000 đồng; không yêu cầu tiền lãi.

27. Bà Phan Thị Kim A7 trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Ch là chỗ quen biết với nhau, bà Ch đã tổ chức huê, hui nhiều năm nay, chồng là ông Lê Văn Th còn làm tổ trưởng TDP NP nên bà tin tưởng và tham gia đóng tiền hui với bà Ch theo tháng (bà Ch là chủ hui, còn tôi là con hui).

Dây 1: bắt đầu từ ngày 17/8/2019 đến ngày 17/7/2020: bà đóng được 12 tháng với số tiền 9.620.000 đồng. Dây này gồm 17 người.

Dây 2: bắt đầu từ ngày 18/02/2020 đến ngày 18/7/2020: bà đóng được 06 tháng với số tiền 4.850.000 đồng. Dây này gồm 13 người.

Dây 3: bắt đầu từ ngày 25/02/2020 đến ngày 25/6/2020: bà đóng được 05 tháng với số tiền 4.180.000 đồng. Dây này gồm 13 người.

Dây 4: bắt đầu từ ngày 21/3/2020 đến ngày 21/7/2020: bà đóng được 05 tháng với số tiền 4.030.000 đồng. Dây này gồm 13 người.

Tổng cộng bà đã đóng cho bà Ch số tiền hui là 22.680.000 đồng. Bà Ch mới trả lại số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 18.680.000 đồng.

Biết được tin bà Ch không thanh toán tiền huê, hui cho nhiều người, tôi nhiều lần yêu cầu bà Ch chốt huê và thanh toán số tiền còn lại nhưng bà Ch trốn tránh, không trả còn thách thức bà và các con hui khác.

Nay tôi yêu cầu bà Nguyễn Thị Ch phải trả một lần toàn bộ cho tôi số tiền 18.680.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 24.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 18.680.000 đồng như đã trình bày.

28. Bà Trần Thị Bích V trình bày: Tôi có tham gia 03 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 08/9/2019 đến ngày 08/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 11 tháng với số tiền 9.010.000 đồng.

- Dây 2: bắt đầu từ ngày 16/02/2020 đến ngày 16/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 4.970.000 đồng.

- Dây 3: bắt đầu từ ngày 23/02/2020 đến ngày 23/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 4.780.000 đồng.

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch như sau: 18.760.000 đồng (tôi đã tự theo dõi và trừ tiền lời huê hàng tháng).

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 18.760.000 đồng.

29. Bà Nguyễn Thị Th8 trình bày: Tôi có tham gia 01 dây huê 02 chân, mỗi chân 1.000.000 do bà Ch làm cái bắt đầu từ ngày 04/12/2019 đến ngày 04/7/2020 đã đóng 8 tháng như sau:

- Ngày 04/12/2019 up cái 2.000.000 đồng

- Ngày 04/01/2020 đóng 1.500.000 đồng

- Ngày 04/02/2020 đóng 1.500.000 đồng

- Ngày 04/03/2020 đóng 1.600.000 đồng

- Ngày 04/04/2020 đóng 1.500.000 đồng

- Ngày 04/05/2020 đóng 1.500.000 đồng

- Ngày 04/06/2020 đóng 1.500.000 đồng

- Ngày 04/07/2020 đóng 1.500.000 đồng

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch là 12.600.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 12.600.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 16.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 12.600.000 đồng như đã trình bày.

30. Bà Trương Thị Thanh Th4 trình bày: Tôi có tham gia 02 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 26/6/2019 đến ngày 26/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 13 tháng.

- Dây 2: bắt đầu từ ngày 24/8/2019 đến ngày 24/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 09 tháng.

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch như sau:

- Tiền up cái: 2 dây x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng

- Tiền đóng 2 dây (tôi trừ tiền lãi mỗi tháng 200.000 đồng: 800.000 đồng/tháng x (12 tháng dây 1 + 8 tháng dây 2) = 16.000.000 đồng

Tổng cộng: 18.000.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 18.000.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 22.000.000 đồng.

31. Bà Nguyễn Thị Th5 trình bày: Tôi có tham gia 02 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái. Trong đó có 1 dây huê trước bà Ch nợ lại tôi 1.250.000 đồng. Còn dây huê tôi đang tham gia từ ngày 11/4/2020 đã đóng được 4 tháng như sau:

11/4/2020, áp cái: 1.000.000 đồng, 3 tháng còn lại mỗi tháng đóng 750.000 đồng (tiền lời 250.000 đồng mỗi tháng).

Tổng cộng bà Ch nợ tôi: 4.500.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 4.500.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 5.250.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 4.500.000 đồng như đã trình bày.

32. Bà Huỳnh Như Th6 trình bày: Tôi có tham gia 04 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 18/02/2020 đến ngày 18/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 06 tháng với số tiền: 4.930.000 đồng.

- Dây 2: bắt đầu từ ngày 25/02/2020 đến ngày 25/7/2020 chơi 2 chân đã đóng 06 tháng với số tiền: 9.860.000 đồng.

- Dây 3: bắt đầu từ ngày 21/3/2020 đến ngày 21/7/2020 chơi 2 chân đã đóng 05 tháng với số tiền: 8.060.000 đồng.

- Dây 4: bắt đầu từ ngày 02/6/2020 đến ngày 02/7/2020 chơi 3 chân đã đóng 02 tháng với số tiền: 5.250.000 đồng

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch 28.100.000 đồng

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 28.100.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là 34.000.000 đồng.

33. Bà Lê Thị L3 trình bày: Tôi có tham gia 01 dây huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái từ ngày 26/6/2019 đã đóng được 14 tháng như sau: 26/6/2019, áp cái: 1.000.000 đồng, 13 tháng còn lại mỗi tháng đóng 800.000 đồng (tiền lời 200.000

đồng mỗi tháng). Tổng cộng bà Ch nợ tôi: 11.400.000 đồng. Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 11.400.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 14.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 11.400.000 đồng như đã trình bày.

34. Bà Nguyễn Thị Thế Hoàng Th2 trình bày: Tôi có tham gia 03 dây huê 05 chân, mỗi chân 1.000.000 do bà Ch làm như sau

Dây 1: từ ngày 18/11/2019 đến ngày 18/7/2020: đóng 2 chân 9 tháng

Dây 2 từ ngày 13/12/2019 đến ngày 13/7/2020: đóng 2 chân 8 tháng

Dây 3 từ ngày 20/7/2020 đóng 1 chân 1.000.000 đồng

Trong 05 chân trên thì tháng đầu tiên tôi áp cái là đóng đủ 1.000.000 đồng x 5 chân = 5.000.000 đồng.

Các tháng tiếp theo tôi được trừ tiền lãi nhưng tôi không nhớ số tiền cụ thể nên đồng ý trừ lãi 200.000 đồng/tháng/ mỗi chân huê. Tổng số tiền huê đã đóng như sau:

$5.000.000 \text{ đồng} + 800.00 \text{ đồng} \times (8 \text{ tháng dây 1} \times 2 \text{ chân} + 7 \text{ tháng dây 2} \times 2 \text{ chân}) = 29.000.000 \text{ đồng}$

Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng là 29.000.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 35.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 29.000.000 đồng như đã trình bày

35. Bà Trương Thị Mỹ Th10 trình bày: Tôi có tham gia 04 dây huê do bà Ch làm cái như sau:

- Dây 1: bắt đầu từ ngày 15/6/2019 đến ngày 15/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 13 tháng.

- Dây 2: bắt đầu từ ngày 10/02/2020 đến ngày 10/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 06 tháng.

- Dây 3: bắt đầu từ ngày 09/06/2019 đến ngày 09/7/2020 chơi 1 chân đã đóng 02 tháng.

- Dây 4: bắt đầu từ ngày 20/6/2020 đến ngày 20/7/2020 chơi 01 chân huê đã đóng được 2 tháng.

Tổng cộng tiền huê tôi đã đóng cho bà Ch là 21.650.000 đồng, khi dây huê bị bể tôi có yêu cầu trả tiền thì bà Ch có viết giấy chốt huê cho tôi và trả cho tôi 8.000.000 đồng, còn nợ lại 13.650.000 đồng vào ngày 17/10/2020. Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê mà tôi đã đóng bà Ch còn nợ là 13.650.000 đồng

36. Bà Nguyễn Thị S3 trình bày: Tôi có tham gia 08 dây 11 chân huê 1.000.000 đồng do bà Ch làm cái và đã đóng tổng cộng số tiền là 55.690.000 đồng (tôi đã trừ tiền lãi hàng tháng). Khi các dây huê bị mất khả năng thanh toán, tôi có yêu cầu bà Ch trả lại tiền thì bà Ch có trả tôi 20.000.000 đồng (do ông Thành chồng bà Ch đưa tôi). Tổng cộng bà Ch nợ tôi: 35.690.000 đồng. Nay tôi khởi kiện để đòi khoản nợ huê của tôi là 35.690.000 đồng. So với yêu cầu khởi kiện thì tôi đã khởi kiện số tiền 55.690.000 đồng, nay tôi xin rút lại còn 35.690.000 đồng như đã trình bày.

Bí đơn do người đại diện hợp pháp trình bày:

1. *Đối với nguyên đơn bà Lương Thị Do M:* Bà Ch xác nhận có vay của bà Minh số tiền 10.000.000 đồng. Bà Ch không nợ huê của bà Minh.
2. *Đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hoài Th1:* Bà Nguyễn Thị Ch không nợ tiền huê như bà Thương trình bày. Tài liệu, chứng cứ làm cơ sở khởi kiện mà bà nộp cho Tòa là do bà Thương tự viết, bà Ch không viết.
3. *Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Kim Ch1:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền huê là 26.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, ý kiến của bị đơn như sau: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch khẳng định không nợ huê nguyên đơn. Nguyên đơn nộp tài liệu làm căn cứ cho việc khởi kiện là bản phô tô được cắt ghép. Tài liệu này không có thật, không phải do bị đơn viết ra.
4. *Đối với nguyên đơn bà Võ Thị Tr:* Bà Ch không nợ tiền huê bà Truyền. Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa để làm cơ sở khởi kiện do nguyên đơn tự viết, bà Ch không viết.
5. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H:* Bà Ch không nợ tiền huê của bà Hoàng. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn nộp cho Tòa để làm cơ sở khởi kiện bị đơn là do nguyên đơn tự viết, bị đơn không viết.
6. *Đối với nguyên đơn bà Lê Thị T:* Bà Ch có vay của bà Lê Thị T số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, đã trả cho bà Tường được 10.000.000 đồng. Đối với tài liệu, chứng cứ là giấy hẹn nợ ngày 20/4/2020 của bà Ch do nguyên đơn cung cấp thì đây là giấy hẹn nợ của khoản vay trước chứ không phải khoản vay mới. Đối với tài liệu chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 1/6/2020 do nguyên đơn cung cấp thì đây là khoản tiền lãi. Do không trả được lãi nữa nên bà Tường yêu cầu bà Ch viết thành nợ vay chứ thực chất bà Tường không giao tiền cho bà Ch. Bà Nguyễn Thị Ch không nợ tiền huê của bà Lê Thị T. Như vậy, hiện bà Ch chỉ nợ tiền vay của bà Tường là 30.000.000 đồng. Nay bà Ch xin trả dần số tiền 30.000.000 đồng cho bà Tường mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.
7. *Đối với nguyên đơn bà Đoàn Thị Lệ Tr1:* Bà Nguyễn Thị Ch còn nợ bà Trinh 30.000.000 đồng.
8. *Đối với nguyên đơn bà Võ Thị Th2:* Bà Nguyễn Thị Ch và bà Võ Thị Th2 đã chốt lại số tiền huê bà Ch nợ bà Thành chỉ 10.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ mà bà Thành nộp cho Tòa là do bà Thành viết thêm đoạn chốt “tổng cộng nợ 58.000 (năm mươi tám triệu) ...” không phải do bà Ch viết.
9. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Z:* Bà Nguyễn Thị Ch xác nhận chỉ còn nợ bà Z số tiền 20.000.000 đồng.
10. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền Trang:* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2020 bà Trang gửi đến Tòa thì bà Trang cho rằng bà đã đóng hui cho bà Ch với tổng số tiền 13.000.000 đồng nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020 bà Trang gửi đến Tòa thì bà lại cho rằng bà Ch nợ huê bà là 13.200.000 đồng là có sự mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị Ch không nợ tiền huê như bà Trang trình bày. Tài liệu, chứng cứ bà Trang nộp cho Tòa là do bà tự chốt, bà Ch không viết, tài liệu bị cắt xé, không nguyên vẹn.

11. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị H5:* Bà Nguyễn Thị Ch không nợ tiền huê hui như bà Trần Thị H5 trình bày. Tài liệu do bà Hòa cung cấp cho Tòa án là do bà Hòa tự viết, bà Ch không viết. Bà Ch không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hòa.

12. *Đối với nguyên đơn bà Trịnh Thị Minh T1:* Bà Ch không nợ huê như bà Tình trình bày. Bà Ch không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tình.

13. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị N3:* Bà Nguyễn Thị Ch không xác lập quan hệ huê hui với bà Nhi, các tài liệu mà bà Nhi cung cấp cho Tòa án là do bà Nhi tự viết. Kính đề nghị quý Tòa xem xét.

14. *Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị A3:* Bà Nguyễn Thị Ch không xác lập quan hệ huê hui như bà Ái trình bày. Chữ viết trong các tài liệu do bà Ái cung cấp cho Tòa không phải bà Ch viết. Kính đề nghị Tòa xem xét.

15. *Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Ng:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 8.200.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi, ý kiến của bị đơn như sau: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch khẳng định không nợ huê nguyên đơn. Nguyên đơn nộp tài liệu làm căn cứ cho việc khởi kiện là bản phô tô, được cắt ghép. Tài liệu này không có thật, không phải do bị đơn viết ra.

16. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị L3:* Bà Nguyễn Thị Ch không xác lập quan hệ huê hui như bà Luận trình bày. Chữ viết trong các chứng cứ do bà Luận cung cấp cho Tòa không phải do bà Ch viết. Đề nghị Tòa xem xét.

17. *Đối với nguyên đơn bà Chế Thị Tr2:* Bà Nguyễn Thị Ch không nhận tiền huê của bà Chế Thị Tr2. Do đó, bà Trọng yêu cầu bà Ch phải trả số tiền huê là 15.450.000 đồng là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

18. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H6:* Bà Ch không biết bà Hồng là ai, không xác lập quan hệ huê hui với bà Hồng. Tài liệu bà Hồng cung cấp không phải người chơi huê là bà Hồng mà là bà Thảo, Thủy. Tài liệu này đã bị sửa chữa ghi thêm nội dung.

19. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th3:* Bà Nguyễn Thị Ch không nợ tiền huê như bà Thoa trình bày. Tài liệu do bà Thoa cung cấp là tự bà Thoa viết và chốt.

20. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ:* Bà Ch không nợ tiền huê như bà Mỹ trình bày, toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà bà Mỹ cung cấp là do bà Mỹ tự viết, tự chốt không phải do bà Ch viết.

21. *Đối với nguyên đơn bà Tống Thị Mỹ L3:* Bà Nguyễn Thị Ch không nợ tiền huê như bà Lệ trình bày. Toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà bà Lệ giao nộp cho Tòa là do bà Lệ tự viết, bà Ch không viết.

22. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph:* Bà Nguyễn Thị Ch không xác lập quan hệ huê hui như bà Phú trình bày. Chữ viết trong các chứng cứ do bà Minh cung cấp cho Tòa không phải do bà Ch viết. Đề nghị Tòa xem xét.

23. *Đối với nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Ng:* Bà Nguyễn Thị Ch không xác lập quan hệ huê hui như bà Ngọc trình bày. Chữ viết trong các chứng cứ do bà Ngọc cung cấp cho Tòa không phải do bà Ch viết. Đề nghị Tòa xem xét.

24. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T7:* Bà Ch không nợ tiền như bà Tuyên trình bày. Tài liệu, chứng cứ làm cơ sở khởi kiện là giấy ghi nội dung: “Chơi huê cô bốn chỉ...” mà bà Tuyên nộp cho Tòa là do bà Tuyên tự ghi, bà Ch không ghi.

25. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ K5:* Bà Ch không nợ huê như bà Kiều đã trình bày. Đối với số tiền vay của bà Kiều tổng cộng 20.000.000 đồng, bà Ch xác nhận có vay của bà Kiều, không lãi suất.

26. *Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Kim L9:* Bà Ch xác nhận rằng: Tất cả quan hệ huê hui giữa bà Ch và bà Loan (tức Lan) đã được chốt lại tại tài liệu chứng cứ là “giấy lịch” mà bà Loan đã nộp. Tại tài liệu này bà Ch và bà Loan đã chốt: Bà Ch chỉ còn nợ huê bà Loan là 9.390.000 đồng. Ngoài ra đối với quan hệ vay tài sản thì bà Ch xác nhận chỉ vay bà Loan tổng cộng 20.000.000 đồng gồm:

Ngày 26/4/2020 vay 10.000.000 đồng

Ngày 28/4/2020 vay 5.000.000 đồng nên chốt tổng cộng là 15.000.000 đồng.

Ngày 29/4/2020, vay thêm 5.000.000 đồng.

27. *Đối với nguyên đơn bà Phan Thị Kim A7:* Bà Ch không nợ tiền huê như bà Anh trình bày.

28. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Bích V:* Bà Ch không nợ tiền huê hui như bà Vân trình bày. Tài liệu, chứng cứ do bà Vân cung cấp cho Tòa án là do bà Vân tự viết, bà Ch không viết. Bà Ch không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vân.

29. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th8:* Bà Ch không nợ tiền huê như bà Thơm trình bày.

30. *Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Th4:* Bà Ch không nợ tiền huê như bà Thủy trình bày. Chứng cứ do bà Thủy nộp cho Tòa là do bà Thủy tự viết, bà Ch không viết.

31. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th5:* Bà Ch không nợ tiền huê hui như bà Thoàng trình bày. Tài liệu, chứng cứ bà Thoàng cung cấp cho Tòa án là do bà Thoàng tự viết, bà Ch không viết. Bà Ch không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th5.

32. *Đối với nguyên đơn bà Huỳnh Như Th6:* Bà Ch không nợ huê như bà Thị trình bày. Tài liệu, chứng cứ do bà Thị cung cấp cho Tòa để làm cơ sở khởi kiện là do bà Thị tự viết, bà Ch không viết.

33. *Đối với nguyên đơn bà Lê Thị L3:* Bà Nguyễn Thị Ch không nợ tiền huê của bà Lài. Tài liệu, chứng cứ do bà Lài cung cấp cho Tòa là do bà Lài tự viết, bà Ch không viết. Đề nghị Tòa xem xét.

34. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thế Hoàng Th2:* Bà Nguyễn Thị Ch không nợ huê như bà Thi trình bày. Tài liệu, chứng cứ làm cơ sở khởi kiện mà bà Thi nộp cho Tòa án có nội dung: “úp cái...2tr...” là do bà Thi tự viết, bà Ch không viết. Đề nghị Tòa xem xét.

35. *Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ Th10*: Bà Ch không nợ huê như bà Thuận trình bày. Tài liệu, chứng cứ làm cơ sở khởi kiện là giấy ghi nội dung “Ngày 17/10/2020...” là do bà Thuận tự ghi, bà Ch không ghi.

36. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị S3*: Bà Nguyễn Thị Ch không nợ tiền huê như bà Sự trình bày. Tài liệu, chứng cứ làm cơ sở khởi kiện mà bà Sự nộp cho Tòa án là do bà Sự tự viết, bà Ch không viết.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền đã vay và số tiền huê còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng hộ*” căn cứ vào Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc điều chỉnh tên gọi của quan hệ tranh chấp là không làm ảnh hưởng đến nội dung của vụ án.

[1.3] Qua lời khai của các nguyên đơn thể hiện, bà Ch đã tổ chức huê huy động vốn của các nguyên đơn, nhưng không xác định được các dây huê gồm những cá nhân cụ thể nào, gian dối về thông tin người hót huê, chót lãi để thu tiền huê của các nguyên đơn hàng tháng. Hành vi của bà Ch có dấu hiệu của tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 175 của Bộ luật hình sự hoặc tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điều 174 của Bộ luật hình sự. Tòa án đã nhiều lần kiến nghị các Cơ quan Cảnh sát Điều tra thuộc Công an thành phố C, Công an tỉnh Khánh Hòa, bản thân các đương sự cũng nhiều lần tố cáo nhưng đều không được xử lý hình sự. Do vậy, Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự theo quy định.

[1.4] Tại phiên tòa, ngoài các nguyên đơn Huỳnh Thị Hoài Th1, Chế Thị Tr2, Trần Thị Bích V, Trương Thị Mỹ Th10 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thì các nguyên đơn khác đã rút một phần yêu cầu khởi kiện sau đây:

- Bà Lương Thị Do M: rút phần yêu cầu khởi kiện đối với 12.000.000 đồng tiền nợ huê.

- Bà Trương Thị Kim L9: rút yêu cầu đối với tiền lãi và rút lại yêu cầu đối với số tiền huê đã nộp (sau khi trừ tiền lãi huê hàng tháng) cho phù hợp.

- Các bà: Lê Thị Kim Ch1, Võ Thị Tr, Trần Thị Thanh H, **Lê Thị T**, Đoàn Thị Lê Tr1, Võ Thị Th2, Nguyễn Thị Z, Nguyễn Thị Huyền Trang, Trần Thị H5, Trịnh Thị Minh T1, Nguyễn Thị N3, Phạm Thị A3, Phạm Thị Ng, **Trần Thị L3**, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Thị Ngọc Th3, Trần Thị Mỹ, Tống Thị Mỹ L3, Nguyễn Thị Ph, Bùi Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Kim T7, Nguyễn Thị Lê K5, Phan Thị Kim A7, Nguyễn Thị Th8, Trương Thị Thanh Th4, Nguyễn Thị Th5, Huỳnh Như Th6, Lê Thị L3, Nguyễn Thị Thế Hoàng Th2 và Nguyễn Thị S3 rút lại yêu cầu đối với số tiền huê đã nộp (sau khi trừ tiền lãi huê hàng tháng) cho phù hợp hoặc do được bà Ch trả một phần tiền nợ, hoặc cản trừ tiền nợ vay của bà Ch.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bà Lương Thị Do M đã rút phần yêu cầu khởi kiện đối với 12.000.000 đồng tiền nợ huê và bà Trương Thị Kim L9 đã rút yêu cầu đối với tiền lãi là thuộc trường hợp đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Minh và bà Loan có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu đã được đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, tính toán lại số tiền nợ huê, nợ vay do trừ phần tiền lãi huê hàng tháng, được bà Ch trả một phần nợ hoặc cản trừ tiền nợ vay của bà Ch là thuộc trường hợp điều chỉnh, thay đổi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244.

[2] Về nội dung vụ án: Tuy bà Ch bác bỏ các tài liệu chứng minh việc có tham gia chơi huê của các nguyên đơn. Chỉ thừa nhận một số yêu cầu khởi kiện như sau:

- Xác nhận có vay của bà Minh số tiền 10.000.000 đồng;
- Xác nhận có vay của bà Kiều tổng cộng 20.000.000 đồng, không lãi suất.
- Xác nhận còn nợ bà Trinh 30.000.000 đồng.
- Xác nhận còn nợ bà Z số tiền 20.000.000 đồng.
- Đã chốt lại số tiền huê bà Ch nợ bà Thành chỉ 10.000.000 đồng.
- Có vay của bà Lê Thị T số tiền 40.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng. Giấy hẹn nợ ngày 20/4/2020 là giấy hẹn nợ của khoản vay trước chứ không phải khoản vay mới. Giấy mượn tiền ngày 1/6/2020 khoản tiền do bà Tường yêu cầu bà Ch viết thành nợ vay. Tổng số nợ còn lại là 30.000.000 đồng và yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Xác nhận tất cả quan hệ huê hụi giữa bà Ch và bà Loan (tức Lan) đã được chốt lại tại tài liệu chứng cứ là “**Giấy lịch**” mà bà Loan đã nộp, bà Ch và bà Loan đã chốt: Bà Ch chỉ còn nợ huê bà Loan là 9.390.000 đồng và chỉ vay bà Loan tổng cộng 20.000.000 đồng gồm: Ngày 26/4/2020 vay 10.000.000 đồng; Ngày 28/4/2020 vay 5.000.000 đồng nên chốt tổng cộng là 15.000.000 đồng; Ngày 29/4/2020, vay thêm 5.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét: Ngày 16/9/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an Thành phố C đã nhận được đơn của những người tham gia chơi huê tố cáo bà Nguyễn Thị Ch có hành vi “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” trong nội đơn những

người tố cáo có ghi rõ số tiền huê đã đóng. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố C đã tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung đơn và có văn bản số 672/ĐCSHS ngày 26/02/2021 “V/v trả lời đơn tố cáo bà Nguyễn Thị Ch” đã xác định như sau:

“Từ ngày 14/02/2020, bà Ch làm chủ cái huê và là người trung gian đứng ra thực hiện các công việc như: tổ chức, quản lý dây huê, thu và giao tiền cho các thành viên trong dây huê khi đến hạn và cho đến khi kết thúc dây huê (bà Ch được hưởng hoa hồng qua mỗi lần chốt huê). Đến tháng 6/2020, bà Ch bắt đầu không thanh toán tiền huê khi đến hạn. Bà Ch là người chủ cái huê như nội dung tố cáo, tuy nhiên ngày 29/7/2020, bà Ch không bỏ trốn như nội dung tố cáo, mà bà Ch đi chữa bệnh tại Tp. Hồ Chí Minh. Khi Cơ quan Cảnh sát Điều tra mời thì bà Ch đến làm việc và trình bày việc có nợ tiền của những người tham gia chơi huê như nội dung tố cáo. Đồng thời bà Ch cam kết sẽ thanh toán số tiền đang nợ cho những người tham gia chơi huê (khi bán được nhà). Vì vậy cơ quan điều tra có căn cứ xác định vụ việc trên không có dấu hiệu về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như nội dung tố cáo, mà là quan hệ dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra.”

Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai ngày 09/10/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an Thành phố C, bà Ch thừa nhận ngoài nợ huê của những người tố cáo, bà còn nợ huê của khoảng 70 người khác nữa và tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2021 tại Công an phường CN, bà Ch thừa nhận có nợ tiền huê của tất cả những người khởi kiện tại Tòa án.

Như vậy, qua sự thừa nhận một phần của bà Ch tại các lời khai trong hồ sơ vụ án, lời khai của bà Ch tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố C, Công an phường CN, kết quả trả lời của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố C tại công văn trả lời số 672/ĐCSHS ngày 26/02/2021 và các giấy huê do các nguyên đơn cung cấp đã chứng minh bà Ch là người chủ cái huê, tổ chức thu tiền huê hàng tháng như các nguyên đơn đã trình bày.

Về quan hệ vay tiền, bị đơn có thừa nhận nên đủ căn cứ để xác định bị đơn có vay tiền của các bà Lương Thị Do M, Nguyễn Thị Lệ K5 Đoàn Thị Lệ Tr1, Lê Thị T, Trương Thị Kim L9.

Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, các nguyên đơn cho rằng bà nộp huê mỗi tháng/chân huê 1.000.000đ là không đúng, lời khai của các nguyên đơn trong vụ án đều xác định việc các bên giao hết hợp đồng huê hui là có lãi, do đó cần làm rõ số tiền lãi hàng tháng để xác định số tiền thực đóng huê. Chỉ có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của họ về việc buộc bà Ch hoàn trả số tiền nợ huê khi đã làm rõ thực đóng. Tại phiên tòa, các nguyên đơn đã điều chỉnh lại các yêu cầu khởi kiện của mình theo số tiền mà họ đã thực đóng cho bà Ch. Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện cụ thể của từng nguyên đơn như sau:

1. *Đối với nguyên đơn bà Lương Thị Do M:* Bà Ch xác nhận có vay của bà Minh số tiền 10.000.000 đồng. Do vậy nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Minh, buộc bà Ch phải trả số tiền đã vay là 10.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi, nguyên đơn không có yêu cầu nên không xét.

2. *Đối với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hoài Th1:* Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ huê 22.000.000đ của dây huê ngày 26/5/2019, 16 người, tham gia 2 chân, đến ngày

26/3/2020 đã đóng được 11 tháng – 22.000.000đ. Tại phiên tòa, bà Thương cho rằng mình chơi 3 chân và đã đóng số tiền 35.610.000 đồng là phù hợp với tài liệu chứng cứ do bà cung cấp. Tuy nhiên, bà chỉ khởi kiện đòi lại số tiền huê 22.000.000 đồng nên ghi nhận.

3. *Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Kim Ch1*: Yêu cầu trả số tiền 21.400.000 đồng/03 dây huê là phù hợp với chứng cứ do bà cung cấp. Bên cạnh đó, lời khai của bà Ch tại Cơ quan điều tra Công an C có thừa nhận có nợ tiền huê của bà Chóit /3 dây huê là 20.190.000 đồng là tương đồng với yêu cầu khởi kiện của bà Chóit nên chấp nhận.

4. *Đối với nguyên đơn bà Võ Thị Tr*: Yêu cầu bà Ch trả tiền huê 8.400.000 đồng/2 chân huê là phù hợp với chứng cứ do bà cung cấp. Bên cạnh đó, lời khai của bà Ch tại Cơ quan điều tra Công an C có thừa nhận có nợ tiền huê của bà Truyền/2 dây huê là 7.970.000 đồng là tương đồng với yêu cầu khởi kiện của bà Chóit nên chấp nhận.

5. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H*: Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ huê 10.000.000đ của 2 dây huê ngày 18/02/2020 – 18/7/2020 và dây huê ngày 20/02/2020 – 20/7/2020 là phù hợp với chứng cứ do bà cung cấp. Bên cạnh đó, lời khai của bà Ch tại Cơ quan điều tra Công an C có thừa nhận có nợ tiền huê của bà Hoàng/2 dây huê là 9.590.000đ là tương đồng với yêu cầu khởi kiện của bà Chóit nên chấp nhận.

6. *Đối với nguyên đơn bà Lê Thị T*: Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ vay 40.000.000đ và nợ huê 10.500.000đ. Tổng cộng 50.500.000đ. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ thừa nhận có vay của bà Lê Thị T số tiền 40.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh việc trả nợ. Tại phiên tòa, bà Tường trình bày do bà Ch đã trả được một phần tiền nợ nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Ch trả lại 40.000.000 đồng tiền vay và 10.800.000 đồng tiền huê đã đóng, tổng cộng là 50.800.000 đồng. Các yêu cầu này của bà Tường đều phù hợp với chứng cứ do bà cung cấp nên chấp nhận.

7. *Đối với nguyên đơn bà Đoàn Thị Lệ Tr1*: Yêu cầu bà Ch trả tiền huê 47.100.000.000/6 dây huê cùng 61.100.000đ tiền vay mượn (vay 2 lần: 50.000.000đ và 11.100.000đ bà Ch ứng trước tiền huê sống của 1 chân huê). Tổng số tiền bà Ch còn nợ huê và vay là 61.100.000+ 30.140.000 là 91.240.000đ. Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Ch viết giấy mượn tiền 02 lần vào ngày 24/2/2020 – 30.000.000đ và ngày 27/02/2020 – 20.000.000đ và giấy xác nhận đã nhận đủ tiền 11.100.000đ nên có cơ sở xác định bà Ch có vay mượn của bà Trinh 61.100.000đ. Về số tiền nộp huê 30.140.000 đồng theo yêu cầu của bà Trinh là phù hợp với chứng cứ do bà cung cấp. Bên cạnh đó, lời khai của bà Ch tại Cơ quan điều tra Công an C có thừa nhận có nợ tiền huê của bà Trinh đối với 06 dây huê, mỗi dây huê đóng được 06 tháng, nợ vay 50.000.000đ tổng cộng 90.640.000đ, đã trả 20.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chỉ xác nhận còn nợ bà Trinh 30.000.000 đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả một phần nợ. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Trinh về việc buộc bà Ch trả nợ tiền huê, tiền vay với tổng số tiền là 91.240.000đ là phù hợp với lời khai của bà Ch về số tiền nợ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

8. *Đối với nguyên đơn bà Võ Thị Th2*: Yêu cầu trả số tiền 39.600.000 đồng/05 dây huê và 10.000.000 đồng tiền nợ huê đã chót (dây huê này bà chót huê 12.000.000 đồng như bà Ch mới trả 2.000.000 đồng nên còn 10.000.000) là phù hợp với chứng

cứ do bà cung cấp. Bị đơn chỉ xác nhận còn nợ huê 10.000.000 đồng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả một phần nợ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thành.

9. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Z:* Yêu cầu bà Ch trả tiền huê 57.000.000/5 chân huê. Tài liệu chứng cứ do bà Z cung cấp thể hiện bà Ch xác nhận số tiền huê bà Z nộp hàng tháng của các dây huê với tổng số tiền là: 57.000.000đ. Đại diện của bà Ch cho rằng chỉ còn nợ bà Z 20.000.000đ nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ việc bà Ch đã trả một phần tiền huê cho bà Z. Như vậy, yêu cầu của bà Z về việc buộc bà Ch trả lại số tiền huê là có cơ sở chấp nhận.

10. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền Trang:* Yêu cầu trả số tiền 13.200.000 đồng/02 dây huê. Bà Trang khai nhận: dây 1 bà nộp số tiền là 5.200.000 đồng; dây 2 bà nộp số tiền là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền bà đã nộp cho bà Ch là 13.200.000 đồng là phù hợp với chứng cứ bà cung cấp nên chấp nhận.

11. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị H5:* Yêu cầu bà Ch trả số tiền huê 6.220.000 đồng là phù hợp với chứng cứ bà cung cấp nên chấp nhận.

12. *Đối với nguyên đơn bà Trịnh Thị Minh T1:* Tài liệu bà Tình cung cấp tại phiên tòa đã thể hiện giữa bà Ch và bà Tình đã chốt tiền huê còn nợ làm 02 đợt: đợt 1 chốt số tiền 36.440.000 đồng (không ghi ngày), đợt 2 chốt số tiền 37.460.000 đồng (chốt vào ngày 19/10/2020). Bà khởi kiện yêu cầu bà Ch trả lại số tiền 76.050.000đ tiền huê là phù hợp nên chấp nhận.

13. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị N3:* Yêu cầu bà Ch trả số tiền huê 16.550.000 đồng là phù hợp với chứng cứ bà cung cấp nên chấp nhận.

14. *Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị A3:* Bà Ái có tham gia 07 dây huê do bà Ch làm cái, đã đóng cụ thể số tiền (sau khi trừ tiền lời) theo các giấy tờ còn lưu tổng cộng: 35.920.000 đồng. Bên cạnh đó, lời khai của bà Ch tại cơ qua điều tra Công an thành phố C thừa nhận bà Ái có tham gia 7 dây huê và đóng được tổng 47 tháng của cả 7 dây huê với số tiền 37.590.000đ là tương đồng với số tiền mà bà Ái khởi kiện nên chấp nhận.

15. *Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Ng:* Bà Ngân xác nhận số tiền huê đã đóng là: 8.200.000 đồng, nay bà Ch đã trả cho bà 4.700.000 đồng nên còn nợ 3.500.000 đồng là phù hợp với các tài liệu chứng cứ nên chấp nhận.

16. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị L3:* Bà Luận có tham gia 03 dây huê do bà Ch làm cái và đã đóng số tiền là 13.070.000 đồng trừ 2.000.000 đồng tiền huê chết, bà Ch còn nợ: 11.070.000 đồng. Ngoài ra, ngày 04/10/2020 bà có mượn bà Ch 4.000.000 đồng nên cần trừ tiền nợ này, yêu cầu bà Ch trả số tiền còn nợ 7.070.000 đồng là phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã nộp nên chấp nhận.

17. *Đối với nguyên đơn bà Chế Thị Tr2:* Yêu cầu bà Ch trả lại số tiền 15.450.000đ/02 dây huê. Dây 1 – ngày 08/9/2019- 08/7/2020, 13 người, tham gia 01 chân, đóng huê 9 triệu (11 tháng); dây 2 – ngày 13/12/2019, 14 người, tham gia 01 chân, (08 tháng), đóng 6.450.000đ là phù hợp với các tài liệu chứng cứ nên chấp nhận.

18. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H6:* Yêu cầu bà Ch trả tiền huê thực đóng là 45.090.000 đồng/10 chân/7 dây huê là phù hợp với các tài liệu chứng cứ nên chấp nhận.

19. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th3: Yêu cầu trả số tiền 9.200.000 đồng/01 dây huê là phù hợp với các tài liệu chứng cứ nên chấp nhận.

20. Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ: yêu cầu trả số tiền 34.400.000 đồng/03 dây huê là phù hợp với các tài liệu chứng cứ nên chấp nhận.

21. Đối với nguyên đơn bà Tống Thị Mỹ L3: yêu cầu bà Ch trả số tiền huê còn lại là 19.400.000 đồng thì thấy rằng, bà Lê đã tham gia 4 dây huê, trong đó có 01 dây huê đã hốt còn phải đóng huê chết là 6.000.000 đồng, 3 dây huê còn lại đã đóng 25.400.000 đồng. Do vậy, bà Ch còn nợ lại số tiền 19.400.000 đồng là phù hợp với chứng cứ bà Lê cung cấp nên chấp nhận.

22. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph: Yêu cầu bà Ch trả tiền huê 10.000.000đ/02chân/dây huê ngày 02/9/2019 và dây huê ngày 02/6/2020 là phù hợp với chứng cứ bà cung cấp nên chấp nhận.

23. Đối với nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Ng: Yêu cầu bà Ch trả tiền huê đã đóng là 9.000.000đ của dây huê ngày 20/9/2019, gồm 13 người, tham gia 1 chân, đến ngày 20/7/2020 đã đóng được 11.000.000đ (11 tháng) là phù hợp nên chấp nhận.

24. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T7: Yêu cầu trả số tiền 8.200.000 đồng/02 dây huê là phù hợp nên chấp nhận.

25. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ K5: Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ vay 20.000.000đ đồng (được bị đơn xác nhận) và nợ huê 24.600.000 đồng/3chân/2dây huê là phù hợp nên chấp nhận.

26. Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Kim L9: Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ huê 133.050.000 đồng/16 chân huê/12 dây huê và 30.000.000đ tiền vay. Việc đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà Ch chỉ còn nợ huê bà Loan là 9.390.000 đồng và chỉ vay bà Loan tổng cộng 20.000.000 đồng (Ngày 26/4/2020 vay 10.000.000 đồng; Ngày 28/4/2020 vay 5.000.000 đồng nên chót tổng cộng là 15.000.000 đồng; Ngày 29/4/2020, vay thêm 5.000.000 đồng). Tất cả quan hệ huê hui giữa bà Ch và bà Loan (tức Lan) đã được chót lại tại tài liệu chứng cứ là “Giấy lịch” mà bà Ch và bà Loan đã chót, là không có cơ sở. Tại Công an phường CN có nội dung bà Ch thừa nhận có nợ tiền của những người tham gia chơi huê như nội dung đơn tố cáo và đơn khởi kiện. Bên cạnh đó, lời khai của bà Ch tại cơ quan điều tra Công an thành phố C thừa nhận bà Loan có tham gia huê, số tiền huê đã đóng là 113.880.000đ và có vay của bà Loan 30.000.000đ, tổng nợ huê và nợ vay là 143.880.000đ. Hội đồng xét xử xem xét tất cả những tài liệu chứng cứ liên quan đến 12 dây huê bà Loan đã tham gia xác định số tiền thực đóng của bà Loan là 133.050.000 đồng và tiền vay theo các giấy vay tiền là 30.000.000 đồng theo yêu cầu của bà Loan là có căn cứ nên chấp nhận.

27. Đối với nguyên đơn bà Phan Thị Kim A7:Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ huê 18.680.000 đồng còn lại của 4 dây huê. Theo tài liệu cung cấp thể hiện, tổng số tiền đóng huê là 22.680.000 đồng, bà Ch trả 4.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 18.680.000 đồng là phù hợp, nên chấp nhận.

28. Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Bích V: Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ huê 18.760.000đ của 3 dây huê. Dây huê ngày 08/9/2019: đến ngày 08/7/2020 (đã đóng được 9.010.000đ (11 tháng). Dây huê ngày 16/02/2020, đến ngày 16/7/2020 đã đóng 4.970.000đ (6 tháng); Dây huê ngày 23/02/2020, đến ngày 23/7/2020 đã đóng 4.780.000đ (06 tháng) là phù hợp. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vân về việc buộc bà Ch hoàn trả số tiền 18.760.000 đồng.

29. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th8: Yêu cầu bà Ch trả số tiền huê 12.600.000 đồng là phù hợp với chứng cứ bà cung cấp nên chấp nhận.

30. Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Th4: Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ huê 18.000.000 đồng của 2 dây huê là phù hợp với chứng cứ bà cung cấp nên chấp nhận.

31. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th5: Yêu cầu bà Ch trả tiền huê 4.500.000, trong đó 3.250.000 đồng dây huê ngày 11/4/2020 – có 13 chân, tham gia 01 chân – đóng được 04 tháng và 1.250.000 nợ chân huê trước là phù hợp với chứng cứ đã cung cấp nên chấp nhận.

32. Đối với nguyên đơn bà Huỳnh Như Th6: Yêu cầu bà Ch trả tiền huê 28.100.000 đồng/08chân/4 dây huê là phù hợp với chứng cứ đã cung cấp nên chấp nhận.

33. Đối với nguyên đơn bà Lê Thị L3: Yêu cầu trả số tiền 11.400.000 đồng/01 dây huê là phù hợp, nên chấp nhận.

34. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thê Hoàng Th2: Yêu cầu bà Ch trả tiền nợ huê 29.000.000 đồng của 03 dây huê là phù hợp, nên chấp nhận.

35. Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ Th10: Yêu cầu bà Ch trả số tiền huê còn nợ là 13.650.000đ trên tổng số tiền huê đã đóng cho bà Ch là 21.650.000đ qua 4 dây huê ngày 15/6/2019 – 1 triệu/ chân, đã đóng 13 tháng; dây huê ngày 10/02/2020, 1 triệu/ chân, đã đóng 06 tháng; dây huê ngày 09/6/2020, 1 triệu/ chân, đã đóng 02 tháng; dây huê ngày 20/6/2020, 1 triệu/ chân, đã đóng 02 tháng; Tổng số tiền bà Ch đã chốt ngày 17/10/2020 là 21.650.000 đồng, đã trả 8.000.000đ. Như vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Thuận về việc buộc bà Ch trả huê còn nợ 13.650.000đ.

36. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị S3: Đã đóng số tiền huê 55.690.000 đồng (đã trừ tiền lãi hàng tháng). Bà Ch đã trả lại 20.000.000 đồng nên còn nợ: 35.690.000 đồng là phù hợp, nên chấp nhận.

Như vậy, qua các nhận định trên, bị đơn bà Ch có vay và tổ chức chơi huê, huy động vốn của các nguyên đơn sau đó mất khả năng thanh toán. Nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ khoản nợ đã vay và nợ tiền huê là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 463 và 471 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận. Đối với số tiền lãi các nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

Một số nguyên đơn có trình bày vì tin tưởng ông Thành, chồng bà Ch, là tổ trưởng tổ dân phố nên tham gia chơi huê do bà Ch tổ chức và cho bà Ch vay tiền tuy nhiên tại cơ quan điều tra bà Ch khai do một mình bà tổ chức, không có ai khác tham gia. Ông Thành cũng trình bày không biết gì về việc vay tiền và tổ chức chơi huê của bà Ch. Nên nghĩa vụ trả nợ vay cũng như trả tiền huê đã đóng thực về cá nhân bà Ch.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp như sau:

1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Lương Thị Do M buộc bà Ch phải trả số tiền đã vay là 10.000.000 đồng; án phí bà Ch phải chịu là 500.000 đồng, hoàn lại cho bà Lương Thị Do M số tiền tạm ứng án phí là 550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001108 ngày 08/01/2021.

2. Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Hoài Th1: buộc bà Ch phải trả số tiền huê là 22.000.000 đồng; án phí bà Ch phải chịu là 1.100.000 đồng, hoàn lại cho bà Huỳnh

Thị Hoài Th1 số tiền tạm ứng án phí là 550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001107 ngày 08/01/2021.

3. *Đối với yêu cầu của bà Lê Thị Kim Ch1*: buộc bà Ch phải trả số tiền huê là 21.400.000 đồng; án phí bà Ch phải chịu là 1.070.000 đồng, hoàn lại cho bà Lê Thị Kim Ch1 số tiền tạm ứng án phí là 650.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0006391 ngày 13/4/2021.

4. *Đối với nguyên đơn bà Võ Thị Tr*: buộc bà Ch phải trả số tiền huê là 8.400.000 đồng; án phí bà Ch phải chịu là 420.000 đồng, hoàn lại cho bà Võ Thị Tr số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006416 ngày 23/4/2021.

5. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Thanh H*: buộc bà Ch phải trả số tiền huê là 10.000.000 đồng; án phí bà Ch phải chịu là 500.000 đồng, bà Hoàng đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

6. *Đối với nguyên đơn bà Lê Thị T*: buộc bà Ch trả tiền nợ vay 40.000.000đ và nợ huê 10.800.000đ. Tổng cộng 50.800.000đ. Bà Ch phải chịu án phí là: 2.540.000 đồng. Bà Tường đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

7. *Đối với nguyên đơn bà Đoàn Thị Lệ Tr1*: buộc bà Ch trả nợ tiền huê, tiền vay với tổng số tiền là 91.240.000đ; bà Ch phải chịu án phí là 4.562.000 đồng; hoàn lại cho bà Trinh số tiền tạm ứng án phí là 2.428.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000989 ngày 19/11/2020.

8. *Đối với nguyên đơn bà Võ Thị Th2*: Buộc bà Ch trả số tiền 49.600.000 đồng nợ huê; bà Ch phải chịu án phí là 2.480.000 đồng; hoàn lại cho bà Thành số tiền tạm ứng án phí là 1.450.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000990 ngày 19/11/2020.

9. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Z*: buộc bà Ch trả tiền huê 57.000.000 đồng; bà Ch phải chịu án phí là 2.850.000 đồng; bà Z đã được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

10. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền Trang*: buộc bà Ch trả số tiền huê 13.200.000 đồng; bà Ch phải chịu án phí là 660.000 đồng; hoàn lại cho bà Trang số tiền tạm ứng án phí là 330.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000986 ngày 18/11/2020.

11. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị H5*: buộc bà Ch trả số tiền huê 6.220.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 311.000 đồng, hoàn lại cho bà Hòa số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000985 ngày 18/11/2020.

12. *Đối với nguyên đơn bà Trịnh Thị Minh T1*: buộc bà Ch trả lại số tiền 76.050.000đ tiền huê nên bà Ch phải chịu án phí là 3.802.500 đồng, bà Tình đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

13. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị N3*: Buộc bà Ch trả số tiền huê 16.550.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 827.500 đồng, hoàn lại cho bà Nhi số tiền tạm ứng án phí là 475.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000983 ngày 18/11/2020.

14. *Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị A3*: Buộc bà Ch trả số tiền huê 35.920.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 1.796.000 đồng, bà Ái đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

15. Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị Ng: Buộc bà Ch trả số tiền huê 3.500.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 300.000 đồng, hoàn lại cho bà Ngân số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000984 ngày 18/11/2020.

16. Đối với nguyên đơn bà Trần Thị L3: Buộc bà Ch trả số tiền huê 7.070.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 353.500 đồng, bà Luận đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

17. Đối với nguyên đơn bà Chế Thị Tr2: Buộc bà Ch trả lại số tiền 15.450.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 772.500 đồng, hoàn lại cho bà Trọng số tiền tạm ứng án phí là 386.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001003 ngày 27/11/2020.

18. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H6: Buộc bà Ch trả tiền huê là 45.090.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 2.254.500 đồng, hoàn lại cho bà Hồng số tiền tạm ứng án phí là 2.254.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001019 ngày 02/12/2020.

19. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th3: Buộc bà Ch trả tiền huê là 9.200.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 460.000 đồng, hoàn lại cho bà Thoa số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001018 ngày 02/12/2020.

20. Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ: Buộc bà Ch trả tiền huê là 34.400.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 1.720.000 đồng, hoàn lại cho bà Mỹ số tiền tạm ứng án phí là 1.050.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001017 ngày 02/12/2020.

21. Đối với nguyên đơn bà Tống Thị Mỹ L3: Buộc bà Ch trả tiền huê là 19.400.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 970.000 đồng, hoàn lại cho bà Lệ số tiền tạm ứng án phí là 825.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001038 ngày 09/12/2020.

22. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph: Buộc bà Ch trả tiền huê là 10.000.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 500.000 đồng, hoàn lại cho bà Phú số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001052 ngày 14/12/2020.

23. Đối với nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Ng: Buộc bà Ch trả tiền huê là 9.000.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 450.000 đồng, hoàn lại cho bà Ngọc số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001050 ngày 14/12/2020.

24. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T7: Buộc bà Ch trả tiền huê là 8.200.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 410.000 đồng, hoàn lại cho bà Tuyền số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001051 ngày 14/12/2020.

25. Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ K5: Buộc bà Ch trả tiền nợ vay và nợ huê là 44.600.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 2.230.000 đồng, hoàn lại cho bà Kiều số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001055 ngày 16/12/2020.

26. Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Kim L9: Buộc bà Ch trả tiền nợ vay và nợ huê là 163.050.000 nên bà Ch phải chịu án phí là 8.152.500 đồng, hoàn lại cho bà

Loan số tiền tạm ứng án phí là 5.040.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001056 ngày 16/12/2020.

27. *Đối với nguyên đơn bà Phan Thị Kim A7:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 18.680.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 934.000 đồng, hoàn lại cho bà Anh số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001054 ngày 16/12/2020.

28. *Đối với nguyên đơn bà Trần Thị Bích V:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 18.760.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 938.000 đồng, hoàn lại cho bà Vân số tiền tạm ứng án phí là 470.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001062 ngày 17/12/2020.

29. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th8:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 12.600.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 630.000 đồng, hoàn lại cho bà Thom số tiền tạm ứng án phí là 400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001064 ngày 17/12/2020.

30. *Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Thanh Th4:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 18.000.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 900.000 đồng, hoàn lại cho bà Thủy số tiền tạm ứng án phí là 550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001065 ngày 17/12/2020.

31. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th5:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 4.500.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 300.000 đồng, hoàn lại cho bà Thoàng số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001063 ngày 17/12/2020.

32. *Đối với nguyên đơn bà Huỳnh Như Th6:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 28.100.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 1.405.000 đồng, hoàn lại cho bà Thị số tiền tạm ứng án phí là 850.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001070 ngày 21/12/2020.

33. *Đối với nguyên đơn bà Lê Thị L3:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 11.400.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 570.000 đồng, hoàn lại cho bà Lài số tiền tạm ứng án phí là 350.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001069 ngày 21/12/2020.

34. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thế Hoàng Th2:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 29.000.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 1.450.000 đồng, hoàn lại cho bà Thi số tiền tạm ứng án phí là 875.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001087 ngày 30/12/2020.

35. *Đối với nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ Th10:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 13.650.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 682.500 đồng, hoàn lại cho bà Thuận số tiền tạm ứng án phí là 340.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001086 ngày 30/12/2020.

36. *Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị S3:* Buộc bà Ch trả tiền huê là 35.690.000 đồng nên bà Ch phải chịu án phí là 1.784.500 đồng, bà Sự đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Ch phải chịu là: 51.586.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 275, Điều 463 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, Điều 92, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 219, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện sau đây vì nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu của bà Lương Thị Do M về việc yêu cầu bà Ch phải trả cho bà số tiền hui còn nợ là 12.000.000 đồng.
- Yêu cầu của bà Trương Thị Kim L9 về việc yêu cầu bà Ch trả tiền lãi vay.

Bà Lương Thị Do M và Trương Thị Kim L9 có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết phần yêu cầu khởi kiện đã đình chỉ.

2. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền đã vay là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) cho bà Lương Thị Do M.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*) cho bà Huỳnh Thị Hoài Th1.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 21.400.000 đồng (*hai mươi một triệu, bốn trăm ngàn đồng*) cho bà Lê Thị Kim Ch1.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 8.400.000 đồng (*tám triệu, bốn trăm ngàn đồng*) cho bà Võ Thị Tr.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) cho bà Trần Thị Thanh H.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền nợ vay 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và tiền họ (huê) còn nợ là 10.800.000 đồng (*mười triệu tám trăm đồng*), tổng cộng 50.800.000 đồng (*Năm mươi triệu, tám trăm ngàn đồng*) cho bà Lê Thị T.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả tiền nợ vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và tiền họ (huê) còn nợ là 61.240.000 đồng (*sáu mươi một triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng*), tổng cộng 91.240.000 đồng (*Chín mươi một triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng*) cho bà Đoàn Thị Lệ Tr1.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 49.600.000 đồng (*bốn mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng*) cho bà Võ Thị Th2.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 57.000.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Z.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 13.200.000 đồng (*Mười ba triệu, hai trăm ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị Huyền Trang.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 6.220.000 đồng (*Sáu triệu, hai trăm ngàn đồng*) cho bà Trần Thị H5.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 76.050.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng*) cho bà Trịnh Thị Minh T1.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 16.550.000 đồng (*Mười sáu triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị N3.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 35.920.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng*) cho bà Phạm Thị A3.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm ngàn đồng*) cho bà Phạm Thị Ng.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 7.070.000 đồng (*Bảy triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng*) cho bà Trần Thị L3.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 15.450.000 đồng (*Mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) cho bà Chế Thị Tr2.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 45.090.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, không trăm chín mươi ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị H6.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 9.200.000 đồng (*Chín triệu, hai trăm ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th3.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 34.400.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu, bốn trăm ngàn đồng*) cho bà Trần Thị Mỹ.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 19.400.000 đồng (*Mười chín triệu, bốn trăm ngàn đồng*) cho bà Tống Thị Mỹ L3.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Ph.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) cho bà Bùi Thị Kim Ng.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 8.200.000 đồng (*Tám triệu, hai trăm ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị Kim T7.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền nợ vay 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) và tiền họ (huê) còn nợ là 24.600.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng*), tổng cộng 44.600.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị Lệ K5.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền nợ vay 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) và tiền họ (huê) còn nợ là 133.050.000 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng*), tổng cộng 163.050.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng*) cho bà Trương Thị Kim L9.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 18.680.000 đồng (*Mười tám triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng*) cho bà Phan Thị Kim A7.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 18.760.000 đồng (*Mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng*) cho bà Trần Thị Bích V.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 12.600.000 đồng (*Mười hai triệu, sáu trăm ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị Th8.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) cho bà Trương Thị Thanh Th4.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*) cho bà Nguyễn Thị Th5.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 28.100.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, một trăm ngàn đồng*) cho bà Huỳnh Như Th6.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 11.400.000 đồng (*Mười một triệu, bốn trăm ngàn đồng*) cho bà Lê Thị L3.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Thế Hoàng Th2.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 13.650.000 đồng (*Mười ba triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng*) cho bà Trương Thị Mỹ Th10.
- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải trả số tiền họ (huê) còn nợ là 35.690.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi ngàn đồng*) cho bà Trương Thị Mỹ Th10.

2. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 51.586.000 đồng (*bằng chữ: Năm mươi một triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn đồng*).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho các nguyên đơn sau đây:

+ Hoàn lại cho bà Lương Thị Do M số tiền tạm ứng án phí là 550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001108 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Hoài Th1 số tiền tạm ứng án phí là 550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001107 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Lê Thị Kim Ch1 số tiền tạm ứng án phí là 650.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0006391 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Võ Thị Tr số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006416 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Đoàn Thị Lệ Tr1 số tiền tạm ứng án phí là 2.428.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000989 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Võ Thị Th2 số tiền tạm ứng án phí là 1.450.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000990 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Huyền Tr số tiền tạm ứng án phí là 330.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000986 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Trần Thị H5 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000985 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N3 số tiền tạm ứng án phí là 475.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000983 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Phạm Thị Ng số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000984 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Chế Thị Tr2 số tiền tạm ứng án phí là 386.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001003 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H6 số tiền tạm ứng án phí là 2.254.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001019 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc Th3 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001018 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Trần Thị M9 số tiền tạm ứng án phí là 1.050.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001017 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Tống Thị Mỹ L3 số tiền tạm ứng án phí là 825.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001038 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001052 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Bùi Thị Kim Ng số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001050 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim T7: số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001051 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Lệ K5 số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001055 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Trương Thị Kim L9 số tiền tạm ứng án phí là 5.040.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001056 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Trương Thị Kim L9 số tiền tạm ứng án phí là 5.040.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001056 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Phan Thị Kim A7 số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001054 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Trần Thị Bích V số tiền tạm ứng án phí là 470.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001062 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Th8 số tiền tạm ứng án phí là 400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001064 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Trương Thị Thanh Th4 số tiền tạm ứng án phí là 550.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001065 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Th5 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001063 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Huỳnh Như Th6 số tiền tạm ứng án phí là 850.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001070 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Lê Thị L3 số tiền tạm ứng án phí là 350.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001069 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thế Hoàng Th2 số tiền tạm ứng án phí là 875.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001087 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

+ Hoàn lại cho bà Trương Thị Mỹ Th10 số tiền tạm ứng án phí là 340.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001086 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

3. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C;
- Đường sự;
- THADS Tp. C;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu